TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI** Bản án số: 07/2024/DS-ST Ngày 24 tháng 9 năm 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường;

2. Bà Phạm Thị Dung.

- *Thư K phiên toà*: Ông Hoàng Văn Cường - Thư K Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST - DS, ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐST-DS, ngày 20/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị K - Sinh năm 1959;

Trú tại: X, thị trấn PR, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Có mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh R - Sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn CC, xã PK, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn Bà Bùi Thị K có nội dung như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Minh R là viên chức tại Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, chị Nguyễn Thị Minh R có vay tiền của bà K 03 lần tiền gồm:

Lần 1 ngày 27/02/2021 Chị R vay 30.000.000 đồng, có viết hợp đồng vay tiền chị R có hẹn khi nào bà K yêu cầu thì chị R hoàn trả;

Lần 2 ngày 08/4/2021 chị R vay 10.000.000 đồng có viết hợp đồng vay tiền chị R có hẹn khi nào bà K yêu cầu thì chị R hoàn trả;

Lần 3 ngày 27/5/2021 chị R vay 20.000.000 đồng, lần này tôi và chị R viết 01 hợp đồng trong đó ghi tổng cả 03 lần chị R vay bà K số tiền là 60.000.000 đồng. Cả 03 lần vay trên đều không tính lãi.

Thời hạn trả cả 03 lần là 03 năm kể từ ngày 20/5/2021. Tuy nhiên đã hết thời hạn 03 năm chị R không trả bà K. Nay bà K khởi kiện yêu cầu chị R phải trả bà K tổng số tiền 60.000.000 đồng và không yêu cầu chị R trả lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư K và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Điều 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, thực hiện đầy đủ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thị K, buộc chị Nguyễn Thị Minh R trả bà Bùi Thị K số tiền 60.000.000 đồng. Tiền lãi nguyên đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị K giao kết hợp đồng vay tài sản đến hạn chị R không trả tiền cho bà K, nay bà K khởi kiện yêu cầu chị R trả số tiền đã vay. Vì vậy quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên

họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tên của bị đơn: Theo dữ liệu dân cư Công an xã PK cung cấp tại thôn CC xã PK chỉ có duy nhất 01 công dân tên là Nguyễn Thị Minh R – Sinh năm 1969. Tuy nhiên trong hợp đồng vay tiền chị R lại viết tên là Nguyễn Thị Minh D. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ K và chữ viết tên trong hợp đồng vay tài sản nêu trên với mẫu chữ K của chị Nguyễn Thị Minh R đã thu thập được tại Ủy ban nhân dân xã PK. Tại Kết luận giám định số 43/KL-GĐTL ngày 09/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai đã kết luận 02 mẫu chữ K tại 02 tài liệu giám định nêu trên là do 01 người viết ra. Vì vậy có thể khẳng định chị Nguyễn Thị Minh R đã 03 lần vay tiền của bà Bùi Thị K và viết và K vào hợp đồng vay tài sản. Nay đã quá hạn chị R không trả tiền bà K theo nội dung hợp đồng. Cần buộc chị Nguyễn Thị Minh R trả bà Bùi Thị K số tiền là 60.000.000 đồng.

Về chi phí giám định trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị K đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 7.000.000 đồng đã chi phí giám định hết 5.000.000 đồng còn lại 2.000.000 đồng Tòa án đã trả lại bà Bùi Thị K.

Chị Nguyễn Thị Minh R phải trả bà Bùi Thị K chi phí giám định là 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dâ sự, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

1. Buộc : Chị Nguyễn Thị Minh R phải trả bà Bùi Thị K số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Bùi Thị K số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0003352 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân dự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Chị Nguyễn Thị Minh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Minh R phải trả bả Bùi Thị K 5.000.000 đồng (Năm Triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2)- TA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung – Trần Bá Đường **Vũ Quang Đại**